



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ IV

Năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		901,411,891,547	747,081,796,641
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		187,157,793,659	222,128,381,716
1. Tiền	111	D1	160,727,048,497	102,304,749,716
2. Các khoản tương đương tiền	112		26,430,745,162	119,823,632,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	D2	42,675,353,904	12,882,052,543
1. Đầu tư ngắn hạn	121		61,956,188,543	54,802,052,543
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(19,280,834,639)	(41,920,000,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		322,057,998,695	229,518,139,126
1. Phải thu khách hàng	131		179,660,525,249	129,633,958,381
2. Trả trước cho người bán	132		110,790,187,857	33,607,945,565
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	D3	31,636,344,649	66,817,856,373
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(29,059,060)	(541,621,193)
IV. Hàng tồn kho	140		327,294,775,338	250,708,828,148
1. Hàng tồn kho	141	D4	329,859,271,506	254,292,384,761
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,564,496,168)	(3,583,556,613)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22,225,969,951	31,844,395,108
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,117,408,991	5,490,505,593
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,864,311,614	7,738,213,381
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	D5	649,700,802	146,198,012
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		14,594,548,544	18,469,478,122
			-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,906,270,991,707	1,967,497,112,755
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5,033,694,265	10,243,477,357
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	D6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	D7	5,033,694,265	10,243,477,357
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		784,432,062,062	678,150,706,078
1. Tài sản cố định hữu hình	221	D8	121,235,431,546	136,942,499,397
- Nguyên giá	222		191,670,189,027	197,565,257,446
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70,434,757,481)	(60,622,758,049)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	D9	1,974,158,868	2,843,865,888
- Nguyên giá	225		5,280,483,547	5,280,483,547
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3,306,324,679)	(2,436,617,659)
3. Tài sản cố định vô hình	227	D10	44,436,123,873	45,755,313,252
- Nguyên giá	228		53,334,671,840	53,234,671,840
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8,898,547,967)	(7,479,358,588)

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	D11	616,786,347,775	492,609,027,541
III. Bất động sản đầu tư	240	D12	765,790,945,029	789,761,318,322
- Nguyên giá	241		854,040,766,295	852,876,235,162
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(88,249,821,266)	(63,114,916,840)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		273,981,577,598	392,762,709,744
1. Đầu tư vào công ty con	251	D13	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	D14	87,600,252,979	92,508,120,585
3. Đầu tư dài hạn khác	258	D15	189,320,158,630	313,846,191,920
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2,938,834,011)	(13,591,602,761)
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		77,032,712,753	96,578,901,254
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	D16	47,249,868,871	58,368,910,916
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3,111,659,401	4,435,223,646
3. Tài sản dài hạn khác	268		26,671,184,481	33,774,766,692
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,807,682,883,254	2,714,578,909,396
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,890,481,027,311	1,812,117,315,097
I. Nợ ngắn hạn	310		1,075,229,144,103	908,774,572,171
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	D17	470,896,922,265	443,331,700,741
2. Phải trả người bán	312		109,652,718,565	123,557,324,741
3. Người mua trả tiền trước	313		228,420,211,506	111,015,570,172
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	D18	31,112,388,838	38,022,554,914
5. Phải trả người lao động	315		66,948,524,301	52,890,709,012
6. Chi phí phải trả	316	D19	24,657,638,553	33,272,350,669
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	D20	136,931,666,155	100,034,371,577
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		83,980,741	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6,525,093,179	6,649,990,345
II. Nợ dài hạn	330		815,251,883,208	903,342,742,926
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	D21	179,439,946,209	218,497,259,192
4. Vay và nợ dài hạn	334	D22	509,602,964,117	560,910,473,936
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		126,208,972,882	123,935,009,798
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		739,956,080,801	733,037,908,229
I. Vốn chủ sở hữu	410	D23	739,956,080,801	733,037,908,229
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249,955,730,000	249,955,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		317,064,858,303	317,064,858,303
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(690,474,358)	(690,474,358)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5,093,483,305	5,093,483,305

7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19,201,065,859	18,718,976,700
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		18,769,790,096	17,802,254,521
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		130,561,627,596	125,093,079,758
- Điều chỉnh BCKQKD			-	-
- Điều chỉnh đầu kỳ			-	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	D24	-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
			-	-
C Lợi ích cổ đông thiểu số	500		177,245,775,142	169,423,686,070
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	510		2,807,682,883,254	2,714,578,909,396

Người lập



Nguyễn Thanh Phong

Kế toán trưởng



NGÔ VĂN DANH

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



NGUYỄN BÌNH MINH



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 02 – DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2013	Quý IV/2012	Lũy kế	
					2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	D26	2,029,432,914,003	1,846,700,757,070	6,602,549,997,369	5,433,311,343,732
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,924,261,370	7,888,216,272	12,760,591,489	19,236,013,145
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2,027,508,652,633	1,838,812,540,798	6,589,789,405,880	5,414,075,330,587
4. Giá vốn hàng bán	11	D27	1,930,848,751,180	1,740,563,480,498	6,193,971,686,194	5,029,510,240,979
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96,660,301,453	98,249,060,300	395,817,719,686	384,565,089,608
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	D28	16,763,683,713	10,358,851,993	46,964,262,463	28,000,371,572
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	D29	14,172,123,324	49,701,734,724	85,181,378,460	183,126,681,603
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21,194,159,589	21,570,590,937	90,121,905,456	150,237,362,999
8. Chi phí bán hàng	24		49,436,723,844	34,294,461,836	169,485,545,156	171,735,808,169
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		40,801,830,351	55,747,327,097	145,897,487,110	150,001,408,988
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9,013,307,647	(31,135,611,364)	42,217,571,423	(92,298,437,580)
11. Thu nhập khác	31		9,845,108,433	51,053,489,576	50,169,951,018	157,672,850,479
12. Chi phí khác	32		2,311,286,216	(645,096,194)	8,007,359,938	10,070,265,819
13. Lợi nhuận khác	40		7,533,822,217	51,698,585,770	42,162,591,080	147,602,584,660
14. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	50		(174,699,963)	4,702,467,461	1,765,405,126	6,191,891,525
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		16,372,429,901	25,265,441,867	86,145,567,629	61,496,038,605
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		7,105,238,475	9,171,857,316	24,081,641,717	13,587,740,292
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		1,323,564,245	1,147,074,135	1,323,564,245	1,147,074,135
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		7,943,627,181	14,946,510,416	60,740,361,667	46,761,224,178
19. Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	71		714,906,827	9,616,871,324	20,225,118,398	1,916,041,556
20. Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	72		7,228,720,354	5,329,639,092	40,515,243,269	44,845,182,622
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	D30	289	213	1,622	1,796

Người lập

Nguyễn Thanh Phong

Kế toán trưởng

NGÔ VĂN DANH

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



NGUYỄN BÌNH MINH



SAVICO

Sai Gon Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 03 – DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		86,145,567,629	61,496,038,605
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ	02		46,780,552,139	47,141,651,297
- Các khoản dự phòng	03		(34,739,575,948)	(2,190,922,172)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,960,594,119)	(13,356,510,176)
- Chi phí lãi vay	06		90,121,905,456	150,237,362,999
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		185,347,855,157	243,327,620,553
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(57,786,800,792)	3,105,176,555
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(75,566,886,745)	67,030,587,263
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		80,678,436,249	(82,394,991,386)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		18,045,101,187	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(90,842,703,483)	(151,153,530,579)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(32,070,890,219)	(12,033,294,739)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2,713,934,629)	(15,214,551,869)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25,090,176,725	52,667,015,798
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(167,088,909,699)	(158,181,076,764)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		13,936,939,596	17,008,693,401
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(14,536,347,880)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		129,066,671,087	152,339,211,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13,407,628,147	14,795,042,917
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25,214,018,749)	25,961,870,554
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	23,402,800,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(194,000,000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2,970,208,141,270	3,209,332,127,206
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,993,950,429,565)	(3,150,967,875,720)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(2,260,533,501)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10,910,457,738)	(48,180,360,595)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(34,846,746,033)	31,326,157,390
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(34,970,588,057)	109,955,043,742
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		222,128,381,716	112,173,337,974
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		187,157,793,659	222,128,381,716

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

NGÔ VĂN DANH

BCLCTTHN (nam)

NGUYỄN BÌNH MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÍ IV NĂM 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Vốn góp cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại dịch vụ - Bất động sản –Đầu tư tài chính
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Thương mại dịch vụ.
 - Mua bán xe ô tô, gắn máy các loại, linh kiện phụ tùng.
 - Bất động sản
 - Đầu tư tài chính.

4. Số lượng các Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm:

1. Công ty TNHH Đông Đô Thành:
 - Địa chỉ: 655 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
2. Công Ty TNHH Sài Gòn Ô tô.
 - Địa chỉ: 61A Cao Thắng, Quận 03, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 52,05%
3. Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giải Phóng.
 - Địa chỉ: 807 Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
4. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 164-166C Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 63,64%
5. Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao.
 - Địa chỉ: 12-14-16 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
6. Công Ty Cổ Phần Savico Hà Nội.
 - Địa chỉ: 7-9 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Tp.Hà Nội.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 70%
7. Công Ty TNHH Ô tô TOYOTA Cần Thơ.
 - Địa chỉ: 71 Hùng Vương, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
8. Công Ty Cổ Phần Ô tô Thành Phố
 - Địa chỉ: 06 Trần Hưng Đạo, Q.1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Công Ty Cổ Phần Ô tô Sông Hàn

- Địa chỉ: 86 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%

10. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Savico Mekong (từ 31/03/2012)

- Địa chỉ: 55-55B Cách Mạng Tháng Tám, P. An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
- Tỷ lệ phần sở hữu là: 51%

11. Công Ty TNHH Savico Vĩnh Long (từ 31/03/2012)

- Địa chỉ: 291 Ấp An Nhơn, Xã Trung Thành, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long
- Tỷ lệ phần sở hữu là: 51%

5. Số lượng các Công ty liên kết có vốn đầu tư của SAVICO:

1. Công Ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi.

- Địa chỉ: 325 Hồ Văn Huê, P.2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
- Tỷ lệ phần sở hữu là: 40%

2. Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn.

- Địa chỉ: 507 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
- Tỷ lệ phần sở hữu là: 35,16%

3. Công Ty Cổ Phần DANA.

- Địa chỉ: 56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
- Tỷ lệ phần sở hữu là: 40,27%

4. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Bến Thành SAVICO.

- Địa chỉ: 17-19 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
- Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,33%

5. Công ty Cổ Phần Siêu Xe

- Địa chỉ: Số 2 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp.HCM
- Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,5%

6. Công Ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội

- Địa chỉ: 56 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Tp.HCM
- Tỷ lệ phần sở hữu là: 49%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chính sách kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC được ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC được ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 42
Máy móc thiết bị	04 – 08
Phương tiện vận tải	05 – 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 07

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên tiêu chuẩn hoạt động đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 6 đến 22 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ. Công cụ dụng cụ chờ phân bổ là các chi phí công cụ xuất dùng một lần nhưng liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất. Ban giám đốc cho rằng các bộ phận kinh doanh, ngoài trừ bộ phận kinh doanh thương mại, là không đáng kể và không phải là những bộ phận cần báo cáo riêng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
D1. Tiền		
Tiền mặt	7.572.387.045	8.469.381.004
Tiền gửi ngân hàng	152.619.955.702	93.043.379.985
Tiền đang chuyển	534.705.750	791.988.727
Cộng	160.727.048.497	102.304.749.716
D2. Đầu tư ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	61.956.188.543	54.802.052.543
- Đầu tư tài chính ngắn hạn khác		
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(19.280.834.639)	(41.920.000.000)
Cộng	42.675.353.904	12.882.052.543

Chi tiết đầu tư tài chính ngắn hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu):

	Mã CK	Danh mục tại 31/12/2013		Danh mục tại 01/01/2013	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Cty CP Bảo Hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	180.000	6,300,000,000
2	Cty CP ĐT XD XNK 2 (Constrexim 2)	500.000	14.000.000.000	500.000	14,000,000,000
3	Cty CP Merufa	110.000	3.000.000.000	110.000	3,000,000,000
4	Cty CP CK Phương Đông (ORS)	-	-	2.400.000	31,500,000,000
5	Cty CP ĐT KD Điện lực (Tradincorp)	1.350.000	13.500.000.000	-	-
6	Cty CP Dây cáp điện Việt Thái	650.760	8.042.676.000	-	-
7	Cty CP Bến Thành Long Hải (Tropicana)	691.126	6.772.500.000	-	-
8	Cty CP Bến Thành Non nước (Sandy Beach)	600.000	6.000.000.000	-	-
9	Cty CP TM Bến Thành (TSC)	182.129	3.289.960.000	-	-
10	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	30.000	204.000.000	-	-
11	Công ty Cổ Phần Sông Đà 6	50.000	732.000.000		
12	Công ty Cổ Phần Sông Đà 7.04	10.000	113.000.000		
13	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Hải Phòng (HPC)	812	2.052.543	812	2,052,543
Tổng cộng		4.354.827	61.956.188.543	3.190.812	54.802.052.543

Từ quý III/2013, Công ty đã chuyển các cổ phiếu đầu tư dài hạn sang ngắn hạn, để chủ động, linh hoạt hơn trong việc thanh khoản, cắt giảm danh mục đầu tư.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D3. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	
- Phải thu khác	31.636.344.649	66.817.856.373
Cộng	31.636.344.649	66.817.856.373

D4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	1.116.363.636	1.673.255.245
- Nguyên liệu, vật liệu	5.583.871.500	27.344.587.718
- Công cụ, dụng cụ	112.246.059	-
- Chi phí SX, KD dở dang	2.406.738.457	1.666.882.916
- Thành phẩm	8.202.267	331.611.805
- Hàng hóa	320.436.149.454	223.080.346.944
- Hàng gửi đi bán	195.700.133	195.700.133
Cộng giá gốc hàng tồn kho	329.859.271.506	254.292.384.761

D5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Thuế TNDN nộp thừa	464.917.197	-
- Các khoản phải thu Nhà nước	184.783.605	146.198.012
Cộng	649.700.802	146.198.012

D6. Phải thu dài hạn nội bộ**D7. Phải thu dài hạn khác**

- + Phải thu thuế VAT tài sản thuê tài chính: 88.073.018đ
- + Phải thu khoản đặt cọc tiền thuê đất của công ty Sài Gòn Ford và công ty con: 600.000.000đ
- + Phải thu khoản chi phí ban đầu dự án Thảo Điền: 4.345.621.247đ

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	120.700.805.907	44.450.506.543	23.856.499.050	8.557.445.946	197.565.257.446
Mua trong kỳ	2.171.652.136	1.793.448.809	8.118.705.733	218.665.999	12.302.472.677
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(91.665.529)	(1.543.764.483)	(5.756.901.860)	(48.578.601)	(7.440.910.473)
Giảm khác	(140.325.322)	(7.084.024.814)	(1.585.924.865)	(1.946.355.622)	(10.756.630.623)
Số cuối kỳ	122.640.467.192	37.616.166.055	24.632.378.058	6.781.177.722	191.670.189.027
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	26.942.546.942	22.589.384.234	7.810.224.376	3.280.602.497	60.622.758.049
Khấu hao trong kỳ	8.103.602.021	6.667.500.142	3.388.819.156	1.186.741.931	19.346.663.250
Giảm trong kỳ	(47.330.133)	(5.466.386.266)	(2.963.917.092)	(1.057.030.327)	(9.534.663.818)
Số cuối kỳ	34.998.818.830	23.790.498.110	8.235.126.440	3.410.314.101	70.434.757.481
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	93.758.258.965	21.861.122.309	16.046.274.674	5.276.843.449	136.942.499.397
Số cuối kỳ	87.641.648.362	13.825.667.945	16.397.251.618	3.370.863.621	121.235.431.546

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.255.052.151đồng.

D9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.280.483.547	-	5.280.483.547
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	5.280.483.547	-	5.280.483.547
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.436.617.659	-	2.436.617.659
Khấu hao trong kỳ	869.707.020	-	869.707.020
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	3.306.324.679	-	3.306.324.679
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.843.865.888	-	2.843.865.888
Số cuối kỳ	1.974.158.868	-	1.974.158.868

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	51.120.693.490	2.113.978.350	53.234.671.840
Tăng trong kỳ	-	140.000.000	140.000.000
Giảm trong kỳ	-	(40.000.000)	(40.000.000)
Số cuối kỳ	51.120.693.490	2.213.978.350	53.334.671.840
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.105.384.016	1.373.974.572	7.479.358.588
Khấu hao trong kỳ	876.700.512	593.266.467	1.469.966.979
Giảm trong kỳ	(36.322.500)	(14.455.100)	(50.777.600)
Số cuối kỳ	6.945.762.028	1.952.785.939	8.898.547.967
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	45.015.309.474	740.003.778	45.755.313.252
Số cuối kỳ	44.174.931.462	261.192.411	44.436.123.873

D11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Dự án	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Công trình Cao ốc văn phòng 277 - 279 Lý Tự Trọng	8.915.140.103	2.758.545.157	-	11.673.685.260
Dự án Tam Bình - Hiệp Bình Phước	120.042.557.620	35.113.335.522	-	155.155.893.142
Dự án Mercue Sơn Trà Resort - Đà Nẵng	59.952.224.430	15.679.990.093	-	75.632.214.523
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	234.153.583	5.716.500	-	239.870.083
Công trình 104 Phổ Quang	23.061.225.305	3.242.295.879	-	26.303.521.184
Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1	10.666.839.566	3.373.450	-	10.670.213.016
Dự án Quốc Lộ 13	198.442.326.757	6.501.674.872	-	204.944.001.629
Dự án Nam Cẩm Lệ - Đà Nẵng	71.008.032.904	6.221.177.954	-	77.229.210.858
Dự án CN4-3 Phú Mỹ Hưng	-	54.937.738.080	-	54.937.738.080
Chi nhánh Sài Gòn Ngôi Sao tại Cần Thơ	286.527.273	-	286.527.273	-
Cộng	492.609.027.541	124.463.847.507	286.527.273	616.786.347.775

Thuyết minh cho chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

- + Dự án số 277-279 Lý Tự Trọng: Hoàn tất thi công tường vây, cọc nhồi xi măng; đang lựa chọn nhà thầu thi công phần thân, dự kiến quý 1/2014.
- + Dự án T.Bình – Hiệp Bình Phước: Đã nộp bổ sung quyền sử dụng đất.
Hoàn tất thi công hạ tầng Khu dân cư – hệ thống hố ga và cống thoát nước.
Đã thu góp vốn đối với 39 nền khu nhà liên kế (thu gần 40 tỷ đồng); tiếp tục tiếp thị phần nền liên kế; hoàn tất việc xin cấp sổ nhà và đã thực hiện giao nền cho khách.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

+ Dự án Mercue Sơn Trà Resort - Đà Nẵng:	Mua bổ sung gần 3.000m ² đất; Nộp tiền chuyển đổi đất SXKD sang đất ở. Hoàn thành xây villa mẫu; thực hiện 50% khối lượng hạ tầng dự án. Hoàn thành thiết kế khách sạn và villa; Tiếp tục xúc tiến quảng bá, tiếp thị để bán thêm các biệt thự.
+ Dự án Hồ Tràm – Xuyên Mộc:	Tiếp tục phối hợp với địa phương tiến hành đền bù, giải tỏa.
+ Dự án 104 Phổ Quang:	Thực hiện xin chủ trương của UBND TPHCM về chuyển đổi công năng của dự án sang đất ở và thương mại dịch vụ. Tiếp tục đàm phán, hợp tác với Sài Gòn Ford khai thác trung tâm ô tô.
+ Dự án 66-68 NKKK:	Đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để mời đối tác đầu tư.
+ Dự án Quốc lộ 13:	Đang tiếp tục triển khai tìm đối tác hợp tác hoặc chuyển nhượng.
+ Dự án Nam Cẩm Lệ, Đà Nẵng:	Hoàn thành đường giao thông nội bộ của dự án và hệ thống thoát nước. Kết chuyển một phần sang BĐS đầu tư và đã chuyển nhượng 23 nền, trong tổng số 39 nền. Tiếp tục triển khai bán 16 nền và kêu gọi hợp tác đầu tư các khu đất còn lại.
+ Dự án CN4-3 Phú Mỹ Hưng	Đã nộp tiền quyền sử dụng đất và lệ phí trước bạ.

D12. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số dư đầu 2013	Tăng trong 2013	Giảm trong năm	Số dư 31/12/2013
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Nhà	852.876.235.162	12.586.844.222	11.422.313.089	854.040.766.295
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Nhà	63.114.916.840	25.134.904.426	-	88.249.821.266
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
- Nhà	789.761.318.322	12.586.844.222	36.557.217.515	765.790.945.029

D13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Đông Đô Thành	4.400.000.000	4.400.000.000
Công Ty TNHH Sài Gòn Ôtô	33.312.000.000	33.312.000.000
Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giải Phóng	9.248.504.000	9.248.504.000
Công Ty TNHH TMDV Sài Gòn	3.500.000.000	3.500.000.000
Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao	8.250.050.000	8.250.050.000
Công ty CP SAVICO Hà Nội	56.000.000.000	56.000.000.000
Công Ty TNHH ô tô TOYOTA Cần Thơ	25.309.668.000	25.309.668.000
Công ty Cổ Phần Ô tô Thành Phố	5.100.000.000	5.100.000.000
Công Ty Cổ Phần Ô tô Sông Hàn	5.100.000.000	5.100.000.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn	-	3.026.885.279
Công ty TNHH TM Dịch Vụ Tổng Hợp Savico-Mekong	1.530.000.000	1.530.000.000
Công ty TNHH Savico Vĩnh Long	2.295.000.000	2.295.000.000
Cộng	154.045.222.000	157.072.107.279

- Giá trị khoản đầu tư vào công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D14. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng CP	Giá trị	Số lượng CP	Giá trị
Công ty TNHH COMFORTDELGRO SAVICO TAXI	-	31.871.332.958	-	33.812.944.178
Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn	2.057.085	45.253.394.046	2.057.085	44.506.124.407
Công ty TNHH TMDV Tổng Hợp Bến Thành SAVICO	-	1.566.156.297	-	2.132.040.771
Công ty Cổ Phần DANA - DANAFORD	604.050	6.602.937.627	604.050	7.878.707.936
Công Ty Cổ Phần Siêu Xe	240.000	1.117.424.684	240.000	1.034.374.248
Công Ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội	-	1.189.007.367	-	3.143.929.045
Cộng		87.600.252.979		92.508.120.585

- Giá trị đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D15. Đầu tư dài hạn khác (theo chiến lược dài hạn)		
- Đầu tư tài chính dài hạn (là CD chiến lược, CD sang lập).	1.257.814.000	38.862.950.000
- Góp vốn dài hạn vào các dự án bất động sản	185.662.344.630	266.349.360.328
- Đầu tư dài hạn khác	2.400.000.000	8.633.881.592
Cộng	189.320.158.630	313.846.191.920

- Thuyết minh các khoản đầu tư tài chính dài hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu)

STT	Mã CK	Cuối kỳ		Đầu năm	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Theo lĩnh vực tài chính					
1	Công ty Cổ Phần Vật T Ngân hàng (BMC)	1.650	242.550.000	1.650	242.550.000
2	Công ty CP Kim Khí Thăng Long	15.664	221.464.000	15.664	221.464.000
3	Công ty CP Cơ khí Vinh	47.000	488.800.000	47.000	488.800.000
4	Công ty Vận Tải Hành Khách số 14	30.500	305.000.000	30.500	305.000.000
Theo lĩnh vực dịch vụ thương mại					
1	Cty CP ĐT KD Điện lực (Tradincorp)	-	-	1.350.000	13.500.000.000
2	Cty CP Dây cáp điện Việt Thái	-	-	650.760	8.042.676.000
3	Cty CP Bến Thành Long Hải (Tropicana)	-	-	677.250	6.772.500.000

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4	Cty CP Bến Thành Non nước (Sandy Beach)	-	-	600.000	6.000.000.000
5	Cty CP TM Bến Thành (TSC)	-	-	151.202	3.289.960.000
Tổng cộng		94.814	1.257.814.000	3.524.026	38.862.950.000

▪ Chi tiết góp vốn vào các dự án Bất Động Sản:

Tên Dự án	01/01/2013	Tăng/Giảm trong kỳ	31/12/2013	Ghi chú
Dự án khu nhà ở phường Bình An, Q2	41.355.606.189	1.588.390.087	42.943.996.276	Góp vốn với Cty CP PT Nhà Thù Đức thực hiện dự án Khu nhà ở tại phường Bình An, Quận 2.
Dự án Khu biệt thự sinh thái Long Hòa - Cần Giờ	58.366.637.098	20.355.456	58.386.992.554	Tham gia góp vốn với Cty CP FIDECO với tỉ lệ 50%. Đã nộp tiền sử dụng đất.
Dự án cao ốc Khahomex – Savico 56 Bến Vân Đồn	82.245.761.241	(82.245.761.241)	-	Đã thu hồi tiền và thanh lý.
Dự án 9 - 15 Lê Minh Xuân	792.176.070	-	792.176.070	Cùng góp vốn với Titco và Khahomex – đây là chi phí đầu tư ban đầu.
Dự án 1014B Thoại Ngọc Hầu, Tân Phú	689.179.730	-	689.179.730	Đã ký các thỏa thuận 03 bên về hợp tác đầu tư trung tâm tiệc cưới tại dự án 1014B. Tiến hành chọn đơn vị tư vấn thiết kế và quản lý kinh doanh.
Dự án 115 – 117 Hồ Tùng Mậu (Cty TNHH Savico – Vinaland)	82.850.000.000	-	82.850.000.000	Thực hiện dự án cùng với Vinaland Ltd.Co. Dự án trong giai đoạn chuẩn bị khởi công.
Dự án KDL sinh thái Cần Giờ	50.000.000	(50.000.000)	-	Dự án không thực hiện. Đã thu hồi tiền và thanh lý.
Cộng	266.349.360.328	(80.687.015.698)	185.662.344.630	

D16. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí phân bổ dài hạn (sửa chữa nhỏ, các hạng mục xây dựng, thiết bị nhà xưởng...) cho dự án Dự án tại Phan Văn Trị, Gò Vấp (Co-op Mart): 21.865.947.843 đồng.

Chi phí sửa chữa tại văn phòng và phân bổ CCDC của Công ty TNHH Đông Đô Thành: 581.688.020 đồng

Chi phí thuê mặt bằng tại Cty TOYOTA Cần Thơ: 1.646.371.064 đồng

Chi phí phân bổ (chi phí sửa chữa TSCĐ và phân bổ CCDC) tại Cty TOYOTA Cần Thơ: 51.091.250 đồng.

Chi phí tư vấn, thiết kế, xây dựng, sửa chữa showroom và phân bổ CCDC của Công ty Ô tô Thành Phố : 1.992.846.898 đồng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trả trước tiền thuê đất cho công ty TNHH Thiên Hà của Công ty TOYOTA Giải Phóng: 4.152.078.548 đồng.

Chi phí phân bổ dài hạn (các hạng mục xây dựng, thiết bị nhà xưởng...) Đại lý TOYOTA Pháp Vân, Hà Nội: 889.946.245 đồng.

Chi phí xây dựng Showroom mới và tiền thuê mặt bằng tại Hải Thượng Lãn Ông của công ty TNHH Sài Gòn Phương Nam – Công ty con của Cty CP Sài Gòn Ngôi Sao: 4.318.895.937 đồng

Chi phí phân bổ CCDC của Cty CP Sài Gòn Ngôi Sao và các công ty con: 156.721.816 đồng.

Chi phí môi giới khách thuê tại trung tâm thương mại Mega Mall của Công ty CP Savico Hà Nội: 2.980.433.852 đồng.

Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng, nhà xưởng... tại Công ty CP Savico Hà Nội và Cty Toyota Long Biên: 6.296.148.864 đồng.

Chi phí sửa chữa, cải tạo các chi nhánh và chi phí công cụ dụng cụ tại Savico Mekong: 1.384.431.197 đồng.

Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng... của Công ty Savico Vĩnh Long : 824.750.662 đồng.

Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng của Công ty TNHH TMDV Sài Gòn: 108.516.675 đồng.

D17. Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Nông Nghiệp và PT Nông Thôn	13.610.182.083	9.492.990.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	3.901.000.000	3.295.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương	16.094.429.681	36.187.759.502
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	47.000.000.000
Ngân hàng HSBC	54.421.340.700	67.040.562.323
Ngân hàng Mitsubishi (Cần Thơ)	15.000.000.000	34.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - SACOMBANK	-	12.689.300.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	23.290.990.000	24.340.805.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - Techcombank	3.823.582.000	5.386.802.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - SCB	1.157.000.000	2.415.780.000
Ngân hàng Sumitomo	10.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Hà Nội)	32.862.000.000	16.468.000.000
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Hà Nội)	131.500.000.000	93.000.000.000
Ngân hàng ANZ	54.451.447.048	31.529.365.920
Ngân hàng MIZUHO HCM	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Đông Á	500.000.000	2.570.000.000
Đối tượng khác	2.420.000.000	2.580.000.000
Ngân hàng HD	-	1.169.727.272
Ngân hàng Indovina	39.265.936.739	-
Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp.HCM	11.898.319.400	-
Ngân hàng EXIMBANK	3.700.000.000	-
Cộng vay ngắn hạn	427.896.227.651	404.166.092.017

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Vay dài hạn đến hạn trả**

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Hà Nội)	-	8.528.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương	5.224.000.000	5.224.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - SACOMBANK	7.331.136.414	12.440.047.828
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi(Cần Thơ)	8.800.960.000	8.800.960.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - Techcombank	93.600.000	93.600.000
Ngân hàng EXIMBANK	2.685.736.000	2.685.736.000
Công ty cho thuê tài chính Sacombank	904.012.200	904.014.900
Ngân hàng UOB	61.250.000	489.249.996
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Hà Nội)	17.900.000.000	-

Cộng vay dài hạn đến hạn	43.000.694.614	39.165.608.724
---------------------------------	-----------------------	-----------------------

Vay và nợ ngắn hạn	470.896.922.265	443.331.700.741
---------------------------	------------------------	------------------------

D18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	4.695.133.030	8.471.654.276
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.778.726.486	17.767.974.988
- Thuế thu nhập cá nhân	3.432.836.794	3.833.231.140
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	13.205.040.528	-
- Thuế khác	652.000	7.949.694.510
Cộng	31.112.388.838	38.022.554.914

D19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước hoạt động kinh doanh	17.028.975.403	23.100.958.535
- Trích trước lãi sử dụng vốn	4.002.392.517	4.723.190.544
- Trích trước khác (*)	3.626.270.633	5.448.201.590
Cộng	24.657.638.553	33.272.350.669

(*) Trong đó:

+ Trích trước chi phí hoa hồng bán xe và dịch vụ, chi phí lãi vay & phí bảo lãnh vay vốn của Sumitomo, chi phí kiểm toán... của Công ty TOYOTA Giải Phóng: 3.413.472.193 đồng.

+ Trích trước chi phí hoa hồng, chi phí khuyến mãi, chi phí kiểm toán... của Công ty Ô tô Thành Phố: 160.298.440 đồng.

+ Trích trước chi phí kiểm toán của Công ty Cổ Phần Ô tô Sông Hàn: 52.500.000 đồng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D20. Phải trả phải nộp khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	826.652.921	859.158.052
- Bảo hiểm xã hội	983.283.596	957.692.967
- Bảo hiểm y tế	293.510.190	299.779.836
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.387.540	10.852.600
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.161.700.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	134.819.831.908	96.745.188.122
Cộng	136.931.666.155	100.034.371.577

D21. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận vốn góp vào Dự án Quốc lộ 13	26.098.400.000	27.098.400.000
Nhận ký quỹ vào Dự án 277-279LTT	43.621.215.625	40.663.177.064
Thu của ThuDucHouse từ Dự án Bình An	19.532.917.434	19.532.917.434
Thu cọc từ Dự án 104 Phổ Quang	14.549.119.468	14.578.200.000
Khoản nhận góp vốn Dự án Phan Văn Trị	14.233.633.127	19.543.449.592
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	61.404.660.555	97.081.115.102
Cộng	179.439.946.209	218.497.259.192

D22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	297.800.000.000	323.672.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam	15.550.000.000	20.774.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	75.615.974.368	82.947.110.782
Ngân hàng Tokyo Mitsumitshi (Cần Thơ)	12.100.100.795	20.901.060.795
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Hà Nội)	-	-
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	8.052.853.890	10.738.589.890
Ngân hàng Techcombank	62.000.000	155.600.000
Ngân hàng UOB	-	396.062.505
Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	509.180.929.053	559.584.423.972
Nợ dài hạn		
Công ty cho thuê tài chính Sacombank	422.035.064	1.326.049.964
Công ty cho thuê tài chính ACB	-	-
Cộng vay và nợ dài hạn	509.602.964.117	560.910.473.936

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D23. Vốn chủ sở hữu*****D23.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu
Số dư 01/01/2012	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	18.684.019.711	17.685.506.194	133.184.818.876	740.977.942.031
Phát hành cổ phiếu trong năm 2012	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế năm 2012	-	-	-	-	-	-	44.845.182.622	44.845.182.622
Phân bổ các quỹ	-	-	-	-	1.139.119.795	942.924.449	(2.082.044.244)	-
Cổ tức chia 2012	-	-	-	-	-	-	(37.463.260.500)	(37.463.260.500)
Phân bổ quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(9.708.914.906)	(9.708.914.906)
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(3.682.702.090)	(3.682.702.090)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(1.104.162.806)	(826.176.122)	-	(1.930.338.928)
Số dư 31/12/2012	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	18.718.976.700	17.802.254.521	125.093.079.758	733.037.908.229
Số dư 01/01/2013	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	18.718.976.700	17.802.254.521	125.093.079.758	733.037.908.229
Phát hành cổ phiếu trong năm 2013	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế năm	-	-	-	-	-	-	40.515.243.269	40.515.243.269
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	482.089.159	967.535.575	-	1.449.624.734
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(24.975.507.000)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(10.071.188.431)	(10.071.188.431)
Số dư 31/12/2013	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	19.201.065.859	18.769.790.096	130.561.627.596	739.956.080.801

D23.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	101.928.230.000	101.928.230.000
Vốn góp của các cổ đông	148.027.500.000	148.027.500.000
Cộng	249.955.730.000	249.955.730.000

D23.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận***Vốn đầu tư của chủ sở hữu:***

Vốn góp đầu kỳ 249.955.730.000

Vốn góp tăng trong kỳ -

Vốn góp giảm trong kỳ -

Vốn góp cuối kỳ 249.955.730.000***Phân phối cổ tức:***

- Đại Hội ĐCĐ thường niên năm 2013 ngày 05/4/2013 đã thông qua kế hoạch năm 2013 là 12% trên mệnh giá.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D23.4. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.995.573	24.995.573
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.995.573	24.995.573
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.995.573	24.995.573
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.066	20.066
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.066	20.066
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.975.507	24.975.507
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.975.507	24.975.507

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

D23.5. Các quỹ của doanh nghiệp

- + Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- + Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; các khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

D24. Nguồn kinh phí và quỹ khác**D25. Tài sản thuê ngoài****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

	Quý 4/ 2013	Quý 4/ 2012
D26. Doanh thu		
<i>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
- Doanh thu bán hàng	1.882.172.705.698	1.668.884.195.369
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	147.260.208.305	177.816.561.701
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu:</i>		
- Thuế GTGT theo PP trực tiếp	24.151.620	20.271.100
- Hàng bán bị trả lại	1.568.291.568	7.867.454.544
- Giảm giá hàng bán	331.818.182	490.628
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.027.508.652.633	1.838.812.540.798
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần về bán hàng hóa	1.880.248.444.328	1.660.995.979.097
- Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	147.260.208.305	177.816.561.701
D27. Giá vốn hàng bán		
	Quý 4/ 2013	Quý 4/ 2012
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.823.446.673.821	1.666.947.560.575
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	107.401.780.065	74.576.240.211
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(102.706)	(960.320.288)
Cộng	1.930.848.351.180	1.740.563.480.498

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 4/ 2013	Quý 4/ 2012
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.823.544.289	1.837.413.591
Lãi, cổ tức được chia	182.129.000	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	20.678.860	6.860.534.410
Lãi chuyển nhượng vốn	13.166.073.782	
Lãi chênh lệch tỷ giá	184.034.019	1.660.903.992
Thu hoạt động tài chính khác	1.387.223.763	-
Cộng	16.763.683.713	10.358.851.993

D29. Chi phí tài chính

	Quý 4/ 2013	Quý 4/ 2012
Chi phí lãi vay	21.194.159.589	21.570.590.937
Chi phí giao dịch chứng khoán	1.765.400	2.672.539.300
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.099.302	999.860.304
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	24.954.160.000	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(32.386.570.546)	22.990.328.604
Chi phí tài chính khác	394.509.579	1.468.415.579
Cộng	14.172.123.324	49.701.734.724

D30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 4/ 2013	Quý 4/ 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.943.627.181	14.946.510.416
Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	714.906.827	9.616.871.324
Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	7.228.720.354	5.329.639.092
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.975.507	24.975.507
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	289	213

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Quý 4/ 2013	Quý 4/ 2012
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu kỳ	24.975.507	24.975.507
Mua lại làm cổ phiếu trong kỳ	-	-
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.975.507	24.975.507

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Giao dịch các bên liên quan:**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Quý 4/ 2013	Quý 4/ 2012
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	-	2.057.085.000
		Nhận hỗ trợ tài chính từ công ty liên kết	-	42.000.000.000
		Hoàn trả hỗ trợ tài chính cho công ty liên kết	1.500.000.000	-
		Tiền mua hàng hóa trả trước cho công ty liên kết	-	12.000.000.000
		Chi phí lãi vay	225.729.167	161.941.792
		Thanh lý HĐ xe	-	84.500.000.000
		Hoàn trả khoản hỗ trợ tài chính	-	84.500.000.000
		Phải trả HTTC và lãi SDV	5.044.375.000	
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Tiền thuê thu từ công ty liên kết	525.900.000	525.900.000
		Chi phí tiền điện thu từ công ty liên kết	215.129.703	218.276.528
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	168.000.000	-
		Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	348.480.000	344.300.000
		Lãi sử dụng vốn	14.431.944	
		Công ty LK hoàn trả HTTC	500.000.000	
Công ty Cổ phần Dana	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	-	422.835.000
		Phải thu cổ tức từ công ty LK	1.833.163.168	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

D31. Giải trình chênh lệch quý IV-2013 so với quý IV-2012

Chỉ tiêu	Quý 4/2013	Quý 4/2012	Chênh lệch	
			+/-	%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.013.307.647	(31.135.611.364)	40.148.919.011	-128.95%
Lợi nhuận khác	7.533.822.217	51.698.585.770	(44.164.763.553)	-85.43%
Thu nhập từ công ty liên doanh, liên kết	(174.699.963)	4.702.467.461	(4.877.167.424)	-103.72%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.372.429.901	25.265.441.867	(8.893.011.966)	-35.20%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.943.627.181	14.946.510.416	(7.002.883.235)	-46.85%
Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	714.906.827	9.616.871.324	(8.901.964.497)	-92.57%
Thu nhập sau thuế TNDN thuộc Công ty mẹ.	7.228.720.354	5.329.639.092	1.899.081.262	5.63%

❖ **Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng:** do lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của công ty mẹ tăng so với cùng kỳ chủ yếu từ:

* Doanh thu tài chính tăng: Chủ yếu phát sinh từ phân bổ thu nhập chuyển nhượng vốn tại liên doanh Savico – Vinaland.

* Chi phí tài chính giảm: Chủ yếu do trong quý 4/2012 có thực hiện trích chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, đồng thời chi phí lãi vay trong quý 4/2012 còn ở mức cao so với kỳ này.

* Chi phí quản lý giảm: Chủ yếu do trong quý 4/2012 có phát sinh chi phí tư vấn quản lý chiến lược, quý 4/2013 không phát sinh.

❖ **Thu nhập khác giảm:**

Trong quý 4/2012, khoản thu nhập phát sinh từ chuyển nhượng vốn tại liên doanh Savico – Vinaland được hạch toán vào thu nhập khác và đã được điều chỉnh sang thu nhập tài chính trong 2013.

❖ **Thu nhập sau thuế TNDN thuộc Công ty mẹ tăng:**

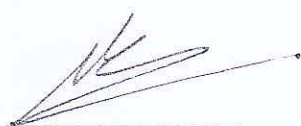
Trong 09 tháng đầu năm 2013 hoạt động kinh doanh tại các công ty con và liên kết khá tốt, tuy nhiên sang quý 4/2013 do tồn kho tăng cao đã làm chi phí sử dụng vốn tăng nên hiệu quả tại các đơn vị này giảm. Đồng thời hiệu quả tại công ty mẹ tăng đã làm cho thu nhập sau thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc Công ty mẹ quý 4/2013 tăng so với cùng kỳ năm 2012

Tp.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Phong





NGÔ VĂN DANH

NGUYỄN BÌNH MINH